

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HS-ST

Ngày 30 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Triều

Ông Lê Xuân Tỷ

Bà Lê Kim Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Diệp Ngọc H, sinh năm 1973; nơi sinh: thị xã H, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Số C, khu phố N, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Diệp Văn Ng và bà Trịnh Thị S (chết); có vợ là Trương Thị Ngọc H và 03 người con (lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2016); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự hay bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19 tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thành Vĩnh T, Luật sư Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị hại:

1. Đặng Thiệu Q, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Phường N, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Trương Duy T, sinh năm 1995

Nơi cư trú: ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

3. Nguyễn Thanh N, sinh năm 1986
Nơi cư trú: Khu vực 1, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.
4. Đồng Quang Ng, sinh năm 1983
Nơi cư trú: ấp 6, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.
5. Đàm Lệ T, sinh năm 1986
Nơi cư trú: Số A, đường P, phường N, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.
Vắng mặt.
6. Nguyễn Anh Vũ, sinh năm 1985
Nơi cư trú: Số B, đường N, quận I, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.
7. Trần Đình H, sinh năm 1993
Nơi cư trú: Số C, đường T, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.
Vắng mặt.
8. Phan Thế H1, sinh năm 1963
Nơi cư trú: Số D, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.
9. Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1965
Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. Vắng mặt.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
1. Diệp Văn Đ, sinh năm 1960
Nơi cư trú: Số Đ, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.
Vắng mặt.
2. Diệp Phương Tr, sinh năm 1997
Nơi cư trú: ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.
3. Đỗ Tuấn A, sinh năm 1981
Nơi cư trú: Số E, đường L, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.
Vắng mặt.
4. Lê Hồng Ngọc H2, sinh năm 1981
Nơi cư trú: Số F, đường L, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.
Vắng mặt.
5. Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1986
Nơi cư trú: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Có mặt.
6. Nguyễn Đức T, sinh năm 1973
Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.
7. Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1995
Nơi cư trú: Số 911, đường L, phường C, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.
Vắng mặt.
- *Người làm chứng:*
1. Nguyễn Xuân H. Vắng mặt.
2. Lê Phát Th. Vắng mặt.
3. Nguyễn Duy T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 50 phút, ngày 19 tháng 12 năm 2019, Diệp Ngọc H, Đồng Quang Ng, Nguyễn Xuân H và Lê Phát Th cùng đi trên xe ô tô biển số 52N-1780 do Lê Phát Th điều khiển chạy vào Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Lúc này Ng, H và Th mặc thường phục; H mặc quân phục Công an nhân dân, đeo quân hàm Đại tá, bảng tên Công an nhân dân có nội dung: Diệp Ngọc H, Phó Cục trưởng, có số hiệu 022 – 551. Khi vào đến trụ sở Công an huyện Châu Thành A, H gặp lãnh đạo Công an huyện, qua tiếp xúc, lãnh đạo Công an huyện Châu Thành A nghi vấn H giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác nên yêu cầu kiểm tra và H thừa nhận bản thân không phải là cán bộ Công an nhân dân. Quá trình điều tra, H thừa nhận giả mạo Công an nhân dân để nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng đầu năm 2014, Nguyễn Văn Tr quen biết H thông qua bạn bè, qua tiếp xúc H tự giới thiệu tên là Dũng đang công tác tại Bộ Công an. Trong thời gian quen biết, H nói có quen biết với nhiều lãnh đạo ở tỉnh Kiên Giang, hiện Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đang cho người dân thuê đất để làm ruộng, nếu ông Tr có nhu cầu thuê đất thì H sẽ giới thiệu, ông Tr đồng ý và nhờ H lo thủ tục thuê đất. Sau đó, H dẫn ông Tr đi xem đất ở Kênh KH9, thuộc huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (thực chất lô đất này Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang không cho thuê). H nói nếu ông Tr đồng ý thuê thì đưa tiền trước cho H lo thủ tục, ông Tr đồng ý và đưa tiền cho H 03 lần tổng cộng là 72.000.000đ. Những lần sau, H mượn tài khoản thẻ ATM của Đỗ Tuấn A và bảo ông Tr chuyển tiền vào tài khoản này cho tiện, ông Tr tin lời H nên đã chuyển tiền vào tài khoản này cho Hà 12 lần với tổng số tiền là 681.000.000đ. Sau khi nhận tiền, H không làm thủ tục thuê đất mà tìm cách né tránh, không gặp ông Tr.

Tổng số tiền H chiếm đoạt của ông Tr là 753.000.000đ (bảy trăm năm mươi ba triệu đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 02 năm 2017, Phan Thế H1 quen biết Hà thông qua bạn bè. Trong thời gian quen biết, H tự xưng là chủ đầu tư dự án Khu biệt thự Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó H dẫn ông H1 đi xem mặt bằng và cho ông Hùng xem bản phôi đồ quy hoạch của dự án, ông H1 xem thì thấy H ký tên chủ dự án cùng với thành phần tham gia thiết kế bản vẽ nên tin tưởng và nhận thi công dự án các hạng mục san lấp mặt bằng và thi công hạ tầng, H hứa sẽ bán cho ông H1 03 nền nhà trong khu biệt thự Phú Xuân với giá 3.800.000.000đ. Ông H1 yêu cầu H làm hợp đồng kinh tế thể hiện việc thi công dự án và mua bán nền nhà, H đồng ý và soạn thảo hợp đồng đưa cho ông H1 và vợ ông H1 là Nguyễn Kim T ký, H nói với ông H1 do H là Công an, không tiện ký hợp đồng nên nhờ anh ruột là Diệp Văn Đ ký. Tuy nhiên, hợp

đồng không được ký kết do ông H1 yêu cầu H làm giấy ủy quyền mới đồng ý ký tên. H nói với ông H1 đến tháng 4 năm 2017 dự án sẽ thi công. Sau đó, H nhiều lần yêu cầu ông H1 cho H ứng trước số tiền mua 03 nền nhà, ông H1 đồng ý và chuyển tiền cho H nhiều lần vào tài khoản số 060143648853, tên Diệp Phương Tr thông qua dịch vụ Banking của hệ thống Ngân hàng Sacombank với tổng số tiền là 1.900.000.000đ. Đến tháng 9 năm 2017, ông H1 không còn liên lạc được với H.

Tổng số tiền Hà chiếm đoạt của ông H1 là 1.900.000.000đ (một tỷ chín trăm triệu đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng tháng 5 năm 2017, Đặng Thiệu Q quen biết H thông qua bạn bè. Qua tiếp xúc, H biết ông Q có nhu cầu mua đất nên gợi ý bán cho ông Q 01 nền phố trong dự án Khu biệt thự Phú Xuân với giá 630.000.000đ. Sau đó, H biết ông Q muốn mở thêm xưởng được nên gợi ý ông Q chuyển từ việc mua nền phố sang mua nền biệt thự với giá 2.160.000.000đ, ông Q nói không đủ tiền thì H nói cho trả dần, ông Q đồng ý và trả dần cho H nhiều lần trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 01 năm 2019 bằng các hình thức: Chuyển khoản cho H qua số tài khoản của Diệp Phương Tr số tiền là 250.000.000đ, đưa trực tiếp cho H số tiền là 882.905.000đ. Khoảng tháng 10 năm 2018, ông Q có ý định mở xưởng được nên nhờ H giúp đỡ thì được H đồng ý. Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 ông Q đã trực tiếp đưa tiền cho H để nhờ H giúp đỡ lo thủ tục với số tiền là 310.000.000đ, nhưng thực chất H không lo thủ tục cho ông Q.

Tổng số tiền H chiếm đoạt của ông Đặng Thiệu Q là 1.442.905.000đ (một tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng).

Vụ thứ tư: Khoảng tháng 12 năm 2017, thông qua Đặng Thiệu Q nên anh Trần Đình H biết Diệp Ngọc H đang công tác tại Bộ Công an và đang làm chủ đầu tư dự án Khu biệt thự Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Trần Đình H và H đã nhiều lần nhậu cùng nhau, trong lúc nhậu, H cho Trần Đình H xem bản vẽ dự án Khu biệt thự Phú Xuân (tỷ lệ 1/500). Đến khoảng tháng 4 năm 2018, H gọi điện thoại cho Trần Đình H và nói: “Anh còn 02 nền nhà phố, anh sẽ bán rẻ cho 01 nền giá 2.500.000.000đ”. Sau khi trao đổi, Trần Đình H đồng ý mua và đưa trước cho H 300.000.000đ, H hứa trong vòng 02 tháng sẽ làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Trần Đình H sẽ đưa số tiền còn lại cho H. Sau đó, Trần Đình H không liên lạc được với H.

Tổng số tiền H chiếm đoạt của anh Trần Đình H là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Vụ thứ năm: Khoảng tháng 7 năm 2018, anh Trương Duy T (lúc này đang là chiến sĩ nghĩa vụ ở Công an huyện Châu Thành A) quen biết với H nên nhờ H xin vào biên chế lực lượng Công an nhân dân. H nhận lời và yêu cầu anh T chuyển tiền cho H để đi giao tiếp, anh T đã đến Ngân hàng Sacombank (chi nhánh huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang) chuyển cho H số tiền là

20.000.000đ qua số tài khoản của Diệp Phương Tr. Khoảng 04 ngày sau, H gọi điện cho T báo số tiền phải lo để chuyển biên chế là 500.000.000đ, sau đó giữa H và T không còn liên lạc. Hiện anh T đã xuất ngũ.

Tổng số tiền H chiếm đoạt của anh Trương Duy T là 20.000.000đ.

Vụ thứ sáu: Khoảng tháng 7 năm 2018, bà Đàm Lệ T và ông Nguyễn Anh V (chồng bà T) quen biết H thông qua Đặng Thiệu Q. Qua tiếp xúc, bà T biết được H đang làm chủ đầu tư dự án Khu biệt thự Phú Xuân nên muốn tìm hiểu để mua nhà. H cho bà T xem bản đồ tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500 thì bà T đồng ý mua 01 nền với giá 4.350.000.000đ. Đến ngày 10 tháng 8 năm 2018, vợ chồng bà T hẹn gặp H tại quán Nhật Nguyệt (thuộc quận 8, thành phố Hồ Chí Minh) để làm hợp đồng góp vốn, tại đây H nói do đang công tác tại Tổng cục An Ninh- Bộ Công an nên không tiện ký hợp đồng và nhờ anh ruột là Diệp Văn Đ ký tên. Sau khi soạn thảo hợp đồng, bà T đưa cho H số tiền 850.000.000đ. Khoảng 07 ngày sau, H gọi điện cho bà T yêu cầu đưa thêm số tiền 1.500.000.000đ để đóng thuế và làm giấy tờ, H hẹn gặp bà T tại quán cà phê Trung Nguyên (thuộc phường 1, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh), tại đây bà T đưa thêm cho H số tiền là 1.500.000.000đ. Sau đó, bà T không còn liên lạc được với H. Đến tháng 4 năm 2019, H viết giấy xác nhận đã nhận của bà T 2.300.000.000đ tiền mua đất, nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Tổng số tiền H chiếm đoạt của bà Đàm Lệ T và ông Nguyễn Anh V là 2.350.000.000đ (hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

Vụ thứ bảy: Khoảng giữa năm 2019, ông Đồng Quang Ng (công tác tại Trung đoàn Cơ động E21- Bộ Công an, đóng tại thành phố Cần Thơ) quen biết H thông qua bạn bè. Sau nhiều lần gặp, H giới thiệu đang làm Cục phó Cục Cơ yếu- Bộ Công an nên ông Ng nhờ H xin chuyển về công tác tại Công an tỉnh Hậu Giang, H đồng ý và nói chi phí lo việc chuyển công tác cho ông Nghi là 120.000.000đ. Do không có đủ tiền nên ông Ng đưa trước cho H số tiền là 60.000.000đ, nhưng đến nay ông Ng vẫn chưa chuyển công tác về Công an tỉnh Hậu Giang được.

Tổng số tiền H chiếm đoạt của ông Đồng Quang Ng là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Như vậy, tổng số tiền H chiếm đoạt của người khác là 6.825.905.000 (sáu tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng).

Ngoài ra, quá trình điều tra, ông Nguyễn Đức T trình bày đã bị H lừa bán nền dự án Khu biệt thự Phú Xuân để chiếm đoạt của ông T số tiền là 50.000.000đ. Tuy nhiên, H không thừa nhận mà cho rằng số tiền này là do H vay của ông T, Cơ quan điều tra cũng đã triệu tập ông T nhiều lần để đối chất làm rõ, nhưng ông T không có mặt nên không có căn cứ xử lý.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, bà Trương Thị Ngọc H (vợ của H) đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, Công an tỉnh Hậu Giang số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm có: 500.000đ tiền Việt Nam; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu đen đã qua sử dụng, số IMEI: 3567750818672; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max màu đen đã qua sử dụng, số IMEI: 357293092196013; 01 cặp cấp hiệu Công an nhân dân (cấp hàm đại tá); 01 cặp phù hiệu Công an nhân dân; 01 đôi giày Công an nhân dân đã qua sử dụng; 01 đôi vớ (tất) Công an nhân dân đã qua sử dụng; 01 bộ trang phục Công an nhân dân đã qua sử dụng (gồm 01 cái quần và 01 cái áo); 01 bảng hiệu Công an nhân dân có nội dung: Họ tên: Diệp Ngọc H, chức vụ: Phó Cục trưởng, số 022-551; 01 bảng chức danh có nội dung: Công an thành phố Hồ Chí Minh, Phó Trưởng phòng- Thượng tá Diệp Ngọc H, bên trái có Công an hiệu, bên dưới có dòng chữ Bộ Công an; 01 xe ô tô biển số 52N-1780 đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Tại Kết luận giám định số 750/C09B ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Phân viện Khoa học Kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. “Giấy chứng minh Công an nhân dân” mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 16 tháng 4 năm 2019, ký hiệu A1 là giả.
2. “Thẻ Đảng viên” mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 07 tháng 11 năm 2008, ký hiệu A2 là giả.
3. “Giấy phép lái xe” số 790138796231 mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 07 tháng 9 năm 2016, ký hiệu A6 là giả.
4. “Giấy phép lái xe” số 790138796213 mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 22 tháng 3 năm 2017, ký hiệu A7 là giả.
5. “Căn cước công dân” mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 29 tháng 6 năm 2018, ký hiệu A3 là thật.
6. “Thẻ bảo hiểm y tế” mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 20 tháng 4 năm 2018, ký hiệu A4 là thật.
7. “Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy” mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 29 tháng 6 năm 2017, ký hiệu A5 là thật.
8. “Giấy phép lái xe” số 790138796213 mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 27 tháng 02 năm 2019, ký hiệu A8 là thật.

Tại Kết luận giám định số 624/GĐ-PC09 ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự- Công an tỉnh Hậu Giang kết luận:

Xe ô tô loại: VOLKSWAGEN (tem: Cabrio), màu sơn: Xanh, mang biển số 52N-1780.

Trước giám định: Số khung: *WVWZZZ50XLK003546*; số máy: *PG-020334*

Sau giám định: Số khung: *WVWZZZ50XLK003546* phát hiện dấu vết hàn ghép, số đo (19,5 x 6)cm; số máy: *PG-020334* không thay đổi.

Các vật chứng và số tiền khắc phục hậu quả đã được nhập kho vật chứng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang quản lý.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKS-P1 ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, đã truy tố Diệp Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo nội dung của Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Tuyên bố bị cáo Diệp Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Diệp Ngọc H từ 17 đến 18 năm tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr số tiền là 753.000.000đ (bảy trăm năm mươi ba triệu đồng); trả lại cho ông Phan Thế H1 số tiền là 1.900.000.000đ (một tỷ chín trăm triệu đồng); trả lại cho ông Đặng Thiệu Q số tiền là 1.442.905.000đ (một tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng); trả lại cho anh Trần Đình H số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); trả lại cho bà Đàm Lệ T và ông Nguyễn Anh V số tiền là 2.350.000.000đ (hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng); trả lại cho anh Trương Duy T số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Buộc bà Trương Thị Ngọc H giao nộp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), chị Diệp Phương Tr giao nộp số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) để đảm bảo thi hành án. Đối với ông Đồng Quang Ng và bà Nguyễn Thanh Ng không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xem xét.

3. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 cặp cấp hiệu Công an nhân dân (cấp hàm đại tá); 01 cặp phù hiệu Công an nhân dân; 01 đôi giày Công an nhân dân đã qua sử dụng; 01 đôi vớ (tất) Công an nhân dân đã qua sử dụng; 01 bộ trang phục Công an nhân dân đã qua sử dụng (gồm 01 cái quần và 01 cái áo); 01 bảng hiệu Công an nhân dân có nội dung: Họ tên: Diệp Ngọc H, chức vụ: Phó Cục trưởng, số 022-551; 01 bảng chức danh có nội dung: Công an thành phố Hồ Chí Minh, Phó Trưởng phòng-Thượng tá Diệp Ngọc H, bên trái có Công an hiệu, bên dưới có dòng chữ Bộ Công an.

Giao trả cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max màu đen đã qua sử dụng, số IMEI: 357293092196013; 01 căn cước công dân mang tên Diệp

Ngọc H, đề ngày 29 tháng 6 năm 2018; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 20 tháng 4 năm 2018; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 29 tháng 6 năm 2017; 01 Giấy phép lái xe số 790138796213 mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 27 tháng 02 năm 2019.

Tích thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu đen đã qua sử dụng, số IMEI: 3567750818672; 01 xe ô tô biển số 52N-1780 đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang tiếp tục quản lý số tiền 50.500.000đ (năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009624 ngày 29 tháng 9 năm 2020 để xử lý khi giải quyết thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại, ông Đặng Thiệu Q và ông Phan Thế H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, đồng thời đề nghị xem xét trách nhiệm của ông Diệp Văn Đ và chị Diệp Phương Tr, yêu cầu chị Diệp Phương Tr liên đới bồi thường; về trách nhiệm hình sự: Đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thanh Ng không yêu cầu bị cáo bồi thường và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm của Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015; thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, vì khi bị tạm giữ về hành vi giả mạo cấp bậc, chức vụ, bị cáo đã chủ động khai báo về hành vi lừa đảo nên được xem là tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; không thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, vì bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” nên không áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét các tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị hại Đồng Quang Ng, Trương Duy T, Nguyễn Văn Tr, Đàm Lê T, Nguyễn Anh V, Trần Đình H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Diệp Văn Đ, Diệp Phương Tr, Đỗ Tuấn A, Lê Hồng Ngọc H2, Nguyễn Đức T và Nguyễn Hoàng V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy những bị hại này đã trình bày lời khai, ý kiến và

yêu cầu tại phiên tòa ngày 27 tháng 4 năm 2021 nên việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử và việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các tình tiết của vụ án, phù hợp với lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Từ đó đã có cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2019, bị cáo đã giả mạo cấp bậc, chức vụ trong lực lượng Công an nhân dân nhằm tạo uy tín, ảnh hưởng và sự tin tưởng để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của người khác bằng các hình thức lừa bán nền nhà, cho thuê đất, hứa chạy chuyển công tác và tuyển dụng công tác trong ngành Công an nhân dân, chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền là 6.825.905.000đ (sáu tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng), cụ thể:

Khoảng đầu năm 2014, bằng thủ đoạn tự giới thiệu tên là Dũng đang công tác tại Bộ Công an và nói có quen biết với nhiều lãnh đạo ở tỉnh Kiên Giang để lừa ông Nguyễn Văn Tr nhờ bị cáo lo thủ tục thuê đất và chiếm đoạt của ông Trường số tiền là 753.000.000đ.

Khoảng tháng 02 năm 2017, bị cáo tự xưng là chủ đầu tư dự án Khu biệt thự Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh rồi gợi ý ông Phan Thế H1 thi công dự án các hạng mục san lấp mặt bằng và thi công hạ tầng, đồng thời hứa sẽ bán cho ông H1 03 nền nhà trong khu biệt thự Phú Xuân với giá 3.800.000.000đ rồi yêu cầu ông H1 chuyển tiền cho bị cáo nhiều lần, chiếm đoạt tổng số tiền là 1.900.000.000đ.

Khoảng tháng 5 năm 2017, bị cáo biết ông Đặng Thiệu Q có nhu cầu mua đất nên gợi ý bán đất nền phố và nền biệt thự trong dự án Khu biệt thự Phú Xuân và hứa sẽ lo thủ tục cho ông Q mở xưởng dúc, chiếm đoạt của ông Q số tiền tổng cộng là 1.442.905.000đ.

Khoảng tháng 12 năm 2017, bị cáo tự giới thiệu với anh Trần Đình H là mình đang công tác tại Bộ Công an, đang làm chủ đầu tư dự án Khu biệt thự Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh để lừa bán cho anh H 02 nền nhà

phổ giá rẻ mỗi với nền 2.500.000.000đ, chiếm đoạt của ông H số tiền là 300.000.000đ.

Khoảng tháng 7 năm 2018, bằng thủ đoạn hứa xin vào biên chế lực lượng Công an nhân dân cho anh Trương Duy T, bị cáo đã chiếm đoạt của anh T số tiền là 20.000.000đ.

Khoảng tháng 7 năm 2018, cũng bằng thủ đoạn lừa dối bản thân mình đang làm chủ đầu tư dự án Khu biệt thự Phú Xuân và cho bà Đàm Lệ T cùng ông Nguyễn Anh V xem bản đồ tổng thể mặt bằng dự án tỷ lệ 1/500 để lừa bán cho bà T, ông V 01 nền với giá 4.350.000.000đ rồi chiếm đoạt tiền của bà T, ông V 02 lần với tổng số tiền là 2.350.000.000đ.

Khoảng giữa năm 2019, bằng thủ đoạn tự giới thiệu đang làm Cục phó Cục Cơ yếu- Bộ Công an và hứa giúp cho ông Đồng Quang Ng (công tác tại Trung đoàn Cơ động E21- Bộ Công an, đóng tại thành phố Cần Thơ) chuyển công tác về Công an tỉnh Hậu Giang để chiếm đoạt của ông Ng và bà Nguyễn Thanh Ng (vợ ông Ng) số tiền là 60.000.000đ.

Xét các hành vi giả mạo chức vụ, cấp bậc và vị trí công tác của bị cáo là nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, mà không nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật khác nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác” quy định tại Điều 339 của Bộ luật hình sự; đối với thẻ Đảng viên và Giấy chứng minh công an giả bị cáo không sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật nên cũng không đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 của Bộ luật hình sự. Như vậy, hành vi của bị cáo là dùng thủ đoạn gian dối bằng việc giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác trong ngành Công an nhân dân và là chủ đầu tư dự án Khu biệt thự Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, nhằm làm cho các bị hại tin tưởng là sự thật để tự nguyện giao tài sản cho bị cáo chiếm đoạt với số tiền tổng cộng là 6.825.905.000 (sáu tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng), cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về mọi hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, với tình tiết định khung là “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Để chiếm đoạt được tài sản của các bị hại, bị cáo đã dùng thủ đoạn giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác trong ngành Công an nhân dân nhằm làm cho các bị hại Đồng Quang Ng, Nguyễn Thanh Ng, Trương Duy T và Nguyễn Văn Tr tin tưởng bị cáo là người có địa vị cao, có sự quen biết rộng rãi và tự nguyện giao tài sản cho bị cáo để nhờ bị cáo giúp đỡ. Cũng với thủ đoạn giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác trong ngành Công an nhân dân, bị cáo còn tự giới thiệu mình là chủ đầu tư dự án Khu biệt thự Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời sử

dụng bản vẽ dự án giả nhằm tạo uy tín, ảnh hưởng của mình đối với các bị hại Đặng Thiệu Q, Đàm Lê T, Nguyễn Anh V, Trần Đình H và Phan Thế H1 tin tưởng và tự nguyện giao tài sản cho bị cáo để mua nền nhà và thi công dự án. Với phương thức yêu cầu các bị hại đặt cọc, cho bị cáo ứng tiền trước và hứa lo các thủ tục pháp lý, bị cáo vừa trực tiếp nhận tiền, vừa sử dụng nhiều tài khoản của nhiều người khác nhau như Diệp Phương Tr, Đỗ Tuấn A, Nguyễn Hoàng V và yêu cầu các bị hại chuyển tiền vào những tài khoản này để chiếm đoạt, nhằm che dấu hành vi phạm tội của mình; khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo né tránh hoặc cắt đứt liên lạc với các bị hại. Chứng minh phương thức, thủ đoạn phạm tội của bị cáo là rất tinh vi.

Bằng phương thức và thủ đoạn gian dối trên, trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2019, bị cáo đã liên tiếp lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 09 bị hại với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt lên đến 6.825.905.000đ. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết số tiền đã chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý bất an đối với cá nhân, tổ chức đầu tư, làm ăn chân chính, ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh trật tự tại nhiều địa phương.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác 07 lần, mỗi lần đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm, đồng thời bị cáo thừa nhận không có nghề nghiệp và đều lấy tài sản chiếm đoạt làm nguồn sống chính là thuộc các trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”. Do đó, quan điểm của người bào chữa cho rằng không thể áp dụng 02 tình tiết tăng nặng trong trường hợp này là không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại các điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại; khi bị phát hiện giả mạo cấp bậc, chức vụ, bị cáo đã đầu thú, tự nguyện khai báo hành vi lừa đảo; bị hại Trương Duy T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với các tài liệu gia đình bị cáo đã cung cấp để yêu cầu cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ như Huân chương, Huy chương, Bằng khen và Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy những cá nhân được phong tặng Huân chương, Huy chương, Bằng khen và Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng đều là thân nhân của vợ bị cáo (bà Trương Thị Ngọc H), không có quan hệ thân nhân trực hệ với bị cáo nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét. Đối với quan điểm

của người bào chữa, đề nghị cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi bị cáo bị tạm giữ về hành vi giả mạo cấp bậc, chức vụ, bị cáo đã chủ động khai báo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là những hành vi đã bị các bị hại tố cáo tại Cơ quan điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh là thuộc trường hợp đầu thú và thành khẩn khai báo, việc bị cáo chủ động khai báo là do quá trình điều tra, đấu tranh tội phạm của Cơ quan điều tra, không thuộc trường hợp tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[7] Từ những phân tích trên, xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt tài sản có giá trị đặc biệt lớn. Tuy bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ, nhưng đối với 03 tình tiết: Bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo và bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 6.825.905.000đ, nhưng gia đình bị cáo chỉ tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000đ là không đáng kể so với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt; bị cáo chỉ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nhưng chưa thành khẩn khai báo về việc sử dụng số tiền đã chiếm đoạt, còn khai báo mâu thuẫn, quanh co; vụ án có 09 bị hại nhưng chỉ có 01 bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên chỉ xem xét cho bị cáo hưởng có mức độ 03 tình tiết giảm nhẹ “Tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt” quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, mà không cho bị cáo hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ này. Mặt khác, xét bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng quy định tại các điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc, phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đối với ông Đồng Quang Ng và bà Nguyễn Thanh Ng không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản đã bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với các bị hại còn lại cần buộc bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của từng bị hại. Đối với số tiền bị cáo đã cho bà Trương Thị Ngọc H 20.000.000đ, cho chị Diệp Phương Tr 10.000.000đ là những tài sản do bị cáo chiếm đoạt của bị hại mà có nên cần buộc bà Trương Thị Ngọc H và chị Diệp Phương Tr giao nộp để đảm bảo bồi thường cho các bị hại.

[9] Đối với hành vi của Diệp Phương Tr, Đỗ Tuấn A và Nguyễn Hoàng V cho bị cáo mượn thẻ ATM và sử dụng tài khoản thẻ ATM để các bị hại chuyển tiền vào tài khoản nhưng không biết bị cáo sử dụng tài khoản của mình để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, không được hưởng lợi từ hành vi chiếm đoạt của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm liên đới bồi thường. Đối với hành vi của Diệp Văn Đ ký hợp đồng thay bị cáo nhưng là do bị cáo nhờ ký giúp mà không biết bị cáo sử dụng thủ đoạn này để chiếm đoạt tài

sản của người khác nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét trách nhiệm của ông Diệp Văn Đ.

[10] Đối với số tiền 50.000.000đ của ông Nguyễn Đức T, bị cáo cho rằng là do bị cáo mượn của ông T mà không dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo để chiếm đoạt nên đây là quan hệ tranh chấp dân sự. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra cũng như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang đã triệu tập ông T nhiều lần, nhưng ông T không có mặt để đối chất làm rõ bị cáo có dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt hay không. Tại phiên tòa, ông T cũng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về vật chứng:

Đối với các vật chứng gồm: 01 cặp cấp hiệu Công an nhân dân (cấp hàm đại tá); 01 cặp phù hiệu Công an nhân dân; 01 đôi giày Công an nhân dân đã qua sử dụng; 01 đôi vớ (tất) Công an nhân dân đã qua sử dụng; 01 bộ trang phục Công an nhân dân đã qua sử dụng (gồm 01 cái quần và 01 cái áo); 01 bảng hiệu Công an nhân dân có nội dung: Họ tên: Diệp Ngọc H, chức vụ: Phó Cục trưởng, số 022-551; 01 bảng chức danh có nội dung: Công an thành phố Hồ Chí Minh, Phó Trưởng phòng- Thượng tá Diệp Ngọc H, bên trái có Công an hiệu, bên dưới có dòng chữ Bộ Công an là những vật dụng do bị cáo làm giả để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các vật chứng gồm: 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 16 tháng 4 năm 2019; 01 Thẻ Đảng viên mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 07 tháng 11 năm 2008; 01 Giấy phép lái xe số 790138796231 mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 07 tháng 9 năm 2016; 01 Giấy phép lái xe số 790138796213 mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 22 tháng 3 năm 2017 là những tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi giả mạo của bị cáo nên lưu giữ vào hồ sơ để làm chứng cứ.

Đối với các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động hiệu Xs Max màu đen đã qua sử dụng, số IMEI: 357293092196013; 01 căn cước công dân mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 29 tháng 6 năm 2018; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 20 tháng 4 năm 2018; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 29 tháng 6 năm 2017; 01 Giấy phép lái xe số 790138796213 mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 27 tháng 02 năm 2019 là tài sản và giấy tờ tùy thân của bị cáo, được Kết luận giám định xác định là giấy tờ thật, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần giao trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu đen đã qua sử dụng, số IMEI: 3567750818672 là công cụ bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc xe ô tô biển số 52N-1780 đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong đã được Cơ quan điều tra thông báo tìm chủ sở hữu nhưng không có kết quả nên cũng cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 500.000đ thu giữ của bị cáo và 50.000.000đ do bà Trương Thị Ngọc H nộp để khắc phục hậu quả nên cần tiếp tục giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang quản lý để xử lý trong quá trình thi hành án.

[12] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Diệp Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Diệp Ngọc H 18 (mười tám) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 19 tháng 12 năm 2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Diệp Ngọc H có nghĩa vụ trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt tổng cộng là 6.765.905.000 (sáu tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng), trong đó:

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr số tiền là 753.000.000đ (bảy trăm năm mươi ba triệu đồng);

Trả lại cho ông Phan Thế H1 số tiền là 1.900.000.000đ (một tỷ chín trăm triệu đồng);

Trả lại cho ông Đặng Thiệu Q số tiền là 1.442.905.000đ (một tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng);

Trả lại cho bà Đàm Lệ T và ông Nguyễn Anh V số tiền là 2.350.000.000đ (hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng);

Trả lại cho anh Trần Đình H số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng);

Trả lại cho anh Trương Duy T số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Buộc bà Trương Thị Ngọc H giao nộp số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), chị Diệp Phương Tr giao nộp số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) để hoàn trả cho các bị hại và khấu trừ vào tổng số tiền bị cáo phải thi hành án.

4. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cặp cấp hiệu Công an nhân dân (cấp hàm đại tá); 01 cặp phù hiệu Công an nhân dân; 01 đôi giày Công an nhân dân đã qua sử dụng; 01

đôi vớ (tất) Công an nhân dân đã qua sử dụng; 01 bộ trang phục Công an nhân dân đã qua sử dụng (gồm 01 cái quần và 01 cái áo); 01 bảng hiệu Công an nhân dân có nội dung: Họ tên: Diệp Ngọc H, chức vụ: Phó Cục trưởng, số 022-551; 01 bảng chức danh có nội dung: Công an thành phố Hồ Chí Minh, Phó Trưởng phòng-Thượng tá Diệp Ngọc H, bên trái có Công an hiệu, bên dưới có dòng chữ Bộ Công an (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 9 năm 2020).

Giao trả cho bị cáo Diệp Ngọc H: 01 điện thoại di động hiệu Xs Max màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, số IMEI: 357293092196013; 01 căn cước công dân mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 29 tháng 6 năm 2018; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 20 tháng 4 năm 2018; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 29 tháng 6 năm 2017; 01 Giấy phép lái xe số 790138796213 mang tên Diệp Ngọc H, đề ngày 27 tháng 02 năm 2019 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 9 năm 2020).

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, số IMEI: 3567750818672; 01 xe ô tô biển số 52N-1780 đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 9 năm 2020).

Giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang tiếp tục quản lý số tiền 50.500.000đ (năm mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0009624 ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang để chi trả cho các bị hại và khấu trừ vào tổng số tiền bị cáo phải thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các khoản 1, 3 Điều 21, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Diệp Ngọc H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 114.765.905đ (một trăm mười bốn triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm lẻ năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (CQĐT, PV06, PC10);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng